

ĐÁP ÁN ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TỈNH BÌNH ĐỊNH

NĂM HỌC : 2015 – 2016

MÔN: TIẾNG ANH

Part 1: Đáp án **wanders, responds**. Hai từ này kết thúc là âm /r/, /d/, “s” thêm vào sau những âm này phát âm là /z/. Những từ còn lại kết thúc là /f/, /t/, /p/, “s” đứng sau phát âm là /s/

Part 2: Choose the word or phrase in brackets that best completes each sentence.

(2,0ms)

- 1. From.** To be different from something: khác với cái gì
- 2. A.** Một rừng tre nhỏ. *Forest* không ở dạng số nhiều, nên cần một mạo từ chỉ số ít. *The* chỉ dùng với các danh từ đã được xác định, cánh rừng ở đây là bất kì, chưa xác định loại *The. An* đứng trước các từ bắt đầu bằng nguyên âm /u,e,o,a,i/ loại *an. Forest* bắt đầu bằng phụ âm /f/ chọn *a*
- 3. Said.** Say (that) + mệnh đề. Say to + somebody + (that) + mệnh đề loại *said to*. Tell + somebody + (that) + mệnh đề loại *told, told to*
- 4. have they.** Chủ ngữ là đại từ bất định (nobody) khi được nhắc lại sẽ dùng như ngôi *they*. Động từ chính trong câu là *has finished* – thì hiện tại hoàn thành, trợ động từ tương ứng cho *they* là *have*. Mệnh đề chính mang nghĩa phủ định, láy đuôi không cần *not*
- 5. which.** Đại từ quan hệ cần điền bổ nghĩa cho danh từ chỉ vật *a country*, và đồng thời là chủ ngữ thực hiện hành động *exports*, nên ta chọn *which*. Where = in which để chỉ nơi chốn, không thể thực hiện hành động. That không đi với giới từ
- 6. and.** Những bông hoa bạn gửi cho tôi rất đẹp... chúng thực sự đã giúp tôi vui hơn. Hai mệnh đề này mang nghĩa nối tiếp, bổ sung cho nhau dùng *and*. But: nhưng. Although : mặc dù. However: tuy nhiên
- 7. Not at all.** Bạn có phiền nếu tôi chụp một bức ảnh không? Không chút nào – not at all (không phiền chút nào). Đây là cách nói lịch sự.
- 8. taken part in.** A swimming race: cuộc đua bơi lội. Take part in = tham gia. Lose contact with = mất liên lạc. Be out of = ở bên ngoài. Keep in touch with = giữ liên lạc

Part 3: Give the correct form of the verb in brackets. (1,5 m)

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

- 1. come.** Every day: hàng ngày một sự việc diễn ra thường xuyên trong hiện tại thì hiện tại đơn. Chủ ngữ là danh từ số nhiều – visitors chia động từ ở số nhiều
- 2. invited.** Lastweek = tuần trước hành động xảy ra trong quá khứ chia ở thì quá khứ đơn
- 3. have been added.** Các biểu thiết kết và biểu tượng truyền thống *được thêm* vào chiếc áo dài động từ ở dạng bị động : be added. Việc thêm vào đã và đang diễn ra trong vài năm : for several years (dấu hiệu nhận biết thời hiện tại hoàn thành) □ động từ chia ở thì hiện tại hoàn thành – have been
- 4. will die.** Mệnh đề sau IF chia ở hiện tại đơn □ đây là câu điều kiện loại 1 mệnh đề sau đó có dạng:
S + will + V
- 5. to go.** Would like + to V: thích, muốn làm gì
- 6. cooking.** Enjoy + Ving: thích làm gì

Part 4: Give the correct form of the word in brackets. (1m)

- Đáp án **knowledge.** Trước chỗ trống là sở hữu cách: students' (của các học sinh) sau sở hữu cách phải là danh từ. Knowledge = sự hiểu biết
- Đáp án **proud.** Be proud of: tự hào về.
- Đáp án **Widened.** Các con đường cần được mở rộng □ động từ ở dạng bị động: be widened
- Đáp án **Effectively.** Trạng từ thường đứng sau động từ để bổ nghĩa cho động từ ấy. Effectively (Adv): một cách hiệu quả.

Part 5: Read the following passage carefully and do the following tasks: (1,5m)

A. Complete each space with the words given below. Make changes if necessary.

Number 0 is an example. (1,0m)

- 1. Dangerous.** Một vùng nước nguy hiểm. Giữa mạo từ và danh từ thường là tính từ, để tạo thành một cụm danh từ.
- 2. Only.** Ban đầu, *chỉ có thể* đi qua vịnh bằng thuyền, (nhưng sau đó nhu cầu về một cách di chuyển nhanh hơn trở nên cần thiết)
- 3. Started.** Họ bắt đầu lập kế hoạch xây cây cầu Cổng Vàng. Start + Ving. Câu chuyện đã xảy ra trong quá khứ
động từ chia ở thì quá khứ đơn
- 4. Attractions.** Tourist attractions: điểm đến thu hút khách du lịch

1. **No/ No, it doesn't.** Cây cầu này bắc qua vịnh San Francisco, không phải qua San Francisco: The Golden Gate Bridge (0) crosses the San Francisco Bay

2. **Construction of the bridge started in 1933.** Việc xây dựng cây cầu bắt đầu năm 1933: Construction of the bridge began in 1933

Part 6: Complete the following paragraph, using the phrases A-F given below. There are more phrases than needed.

1. Đáp án **D.** Hầu hết điện năng của chúng ta xuất phát từ sự sử dụng than đá, khí ga, dầu hay năng lượng hạt nhân.

2. Đáp án **F.** Một phần trăm trong số năng lượng mặt trời chạm tới trái đất là đủ để cung cấp năng lượng cho toàn dân số.

3. Đáp án **C.** Các tấm năng lượng mặt trời được đặt trên mái của một ngôi nhà

4. Đáp án **A.** Năng lượng có thể được tích trữ cho một vài ngày.

Part 7: Complete each second sentence, using the word given in bold at the end so that it has a similar meaning to the first sentence. Do not change the word given in any way. (2,5 ms)

1. I wish I **could go on a trip** with my family.

Trong câu điều ước không có thật ở hiện tại, *can* chuyển thành *could*

2. Efforts **are being made to protect** our environment.

Make an effort to V: nỗ lực để làm gì: Câu gốc ở hiện tại tiếp diễn câu viết lại ở hiện tại tiếp diễn – are being. Trong câu viết lại, các nỗ lực đang *được thực hiện* để bảo vệ môi trường đồng từ ở dạng bị động – be made are being made

3. He **didn't succeed although he tried** hard.

In spite of + N/V-ing \approx Although + mệnh đề = Mặc dù. Anh ta không thành công dù cố gắng rất nhiều.

4. Lan suggested **coming there the day** after.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Cấu trúc gợi ý, rủ ai làm gì “let’s V” có thể được viết lại bằng động từ Suggest + Ving

**Part 8: Put the words or phrases in the correct order to make meaningful sentences.
(0,5m)**

1. I’m disappointed that people have spoiled this area.

Tôi thất vọng rằng người ta đã phá hủy vùng đất này. Be disappointed that + mệnh đề: thất vọng về điều gì.

2. Wearing uniforms makes students feel equal and comfortable.

Việc mặc đồng phục khiến học sinh cảm thấy bình đẳng và thoải mái. Khi V-ing (danh động từ) làm chủ ngữ, chỉ một việc gì đó, thì động từ chia ở số ít.